

Số: ~~04~~ /2017/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ,
phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước;

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Điều 2. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = 50% x Diện tích x Giá của loại đất trồng lúa, trong đó:

1. Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

2. Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm của người sử dụng đất và các cơ quan, đơn vị trong việc luân chuyển hồ sơ xác định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Trách nhiệm của người sử dụng đất:

a) Thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan tài nguyên và môi trường khi thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Tiếp nhận thông báo nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do cơ quan thuế chuyển đến;

c) Thực hiện nộp đầy đủ, đúng thời hạn tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Thông báo của cơ quan thuế;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đã nộp.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành, thị:

a) Hướng dẫn người sử dụng đất kê khai và tiếp nhận hồ sơ theo quy định;

b) Kiểm tra hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định;

c) Cung cấp thông tin và hồ sơ bổ sung theo yêu cầu của cơ quan thuế đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ thông tin hoặc có sai sót để xác định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định;

d) Trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật sau khi người sử dụng đất nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Thông báo của cơ quan thuế.

3. Trách nhiệm của cơ quan thuế:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ do cơ quan tài nguyên và môi trường chuyển đến. Trường hợp phát hiện hồ sơ có sai sót hoặc thiếu căn cứ để xác định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thì cơ quan thuế đề nghị cơ quan tài nguyên và môi trường xác định hoặc bổ sung thông tin;

b) Xác định và ban hành Thông báo về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của người sử dụng đất;

c) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước theo dõi, đôn đốc, cập nhật kết quả người sử dụng đất đã thực hiện thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo các tiêu chí: số tiền đã nộp, số tiền còn nợ, số tiền chậm nộp.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước:

a) Căn cứ số tiền trên thông báo do cơ quan thuế ban hành, các đơn vị Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại được ủy nhiệm thực hiện thu tiền và cung cấp chứng từ thu cho người nộp;

b) Đối chiếu thời hạn ghi trên thông báo do cơ quan thuế ban hành, các đơn vị Kho bạc Nhà nước hoặc các Ngân hàng thương mại được ủy nhiệm xác định số ngày chậm nộp, số tiền còn nợ và thông báo bằng văn bản ngay trong ngày cho cơ quan thuế để tính tiền chậm nộp và đôn đốc thu nộp (nếu có). Đối với các trường hợp đã được cơ quan thuế tính số tiền chậm nộp thì cơ quan thu tiền căn cứ cách tính của cơ quan thuế xác định ngay số tiền chậm nộp để thu nếu người sử dụng đất tiếp tục chậm nộp;

c) Mở sổ theo dõi việc tiếp nhận Thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính do cơ quan thuế chuyển đến để theo dõi thu nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

Điều 4. Quản lý, sử dụng tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa

1. Số tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa được nộp vào ngân sách cấp tỉnh, hạch toán mục lục ngân sách mục thu khác, tiểu mục 4914 và quản lý, sử dụng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Tiền thu do người sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP được sử dụng để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo các nội dung chi sau:

a) Quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất chất lượng cao định kỳ 10 năm: Căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật, các đơn vị lập dự toán chi trình cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa trong từng thời kỳ được cấp có thẩm quyền phê duyệt của địa phương, chất lượng đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn và điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại cho cả thời kỳ và từng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Căn cứ phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa được duyệt và định mức kinh tế kỹ thuật, các đơn vị lập dự toán chi cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa (tăng độ dày tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, bón vôi; thau chua, rửa mặn đối với đất nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác) trình cấp có thẩm quyền quyết định để làm cơ sở thực hiện;

c) Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa: Quản lý đầu tư, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo quy định pháp luật hiện hành;

d) Khai hoang phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: Mức chi theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP;

đ) Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 5 Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC.

Điều 5. Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

1. Về lập dự toán:

a) Dự toán thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan liên quan, căn cứ vào kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp trên địa bàn, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

b) Dự toán kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP:

Hàng năm, căn cứ số liệu thống kê diện tích đất trồng lúa và số thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa của năm liền kề trước năm xây dựng dự toán, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị có liên quan đến nhu cầu sử dụng kinh phí hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa xây dựng dự toán chi gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp vào dự toán chi ngân sách địa phương, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng thời gian báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch.

2. Việc chấp hành dự toán và quyết toán:

Việc chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa thực hiện theo quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước.

3. Kiểm tra việc nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với cơ quan thuế kiểm tra kết quả nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp trích lục bản đồ khu đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp chưa nộp tiền vào ngân sách nhà nước thì yêu cầu người sử dụng đất nộp tiền trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp trích lục bản đồ khu đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định;

b) Sở Tài chính: Căn cứ vào số thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách Nhà nước, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và địa phương phân bổ nguồn kinh phí để hỗ trợ cho các đơn vị và địa phương tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2017.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tiền Giang, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và thị xã Cai Lậy căn cứ Quyết định thi hành. / *nm*

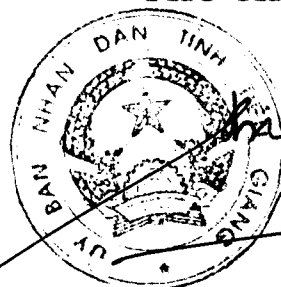
Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Công TT Điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, Lục, Lam.

28 *J*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *nm*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Tuấn